

- Về nhà thực hành *Gấp được thuyền phẳng đáy có mũi* và trang trí sản phẩm theo ý tưởng của em (sáng tạo, đẹp mắt, sinh động)
- Nhắc lại nội dung tiết học.
- Giáo viên nhận xét tiết học.
- Dặn học sinh về nhà thực hành tiếp. Chuẩn bị giấy thủ công cho bài sau: **Ôn tập chủ đề gấp hình**

Thứ năm ngày 7 tháng 11 năm 2019

TOÁN: **31 - 5**

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng 31 – 5.
- Biết giải bài toán có một phép trừ dạng 31- 5
- Nhận biết giao điểm của hai đoạn thẳng.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng làm tính trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng 31 – 5, rèn kỹ năng giải bài toán có một phép trừ dạng 31- 5, rèn kỹ năng nhận biết giao điểm của hai đoạn thẳng.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.

*Bài tập cần làm: bài tập 1 (dòng 1), bài tập 2 (phần a, b), bài tập 3, bài tập 4.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Tư duy và lập luận toán học; Mô hình hóa toán học; Giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng gài, que tính, PHT.
- Học sinh: Sách giáo khoa.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, động não.
- Hình thức dạy học cả lớp, cá nhân.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY -HỌC:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (3phút)	
<ul style="list-style-type: none"> - Trò chơi: <i>Gọi thuyền</i> + Nội dung: Nêu các phép tính 11 trừ đi một số - Giáo viên tổng kết trò chơi, tuyên dương những HS chơi tốt. - Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng: 31 - 5 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tích cực tham gia chơi - Lắng nghe. - Học sinh mở sách giáo khoa, trình bày bài vào vở.
2. HĐ hình thành kiến thức mới: (15 phút)	
* Mục tiêu: - Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng 31 – 5.	
* Cách tiến hành: Làm việc cá nhân - cả lớp	
* Nêu bài toán: Có 31 que tính bớt đi 5 que tính, còn lại bao nhiêu que tính?	- Quan sát và phân tích đề toán.

<ul style="list-style-type: none"> - Muốn biết có bao nhiêu que tính ta làm như thế nào? - Viết lên bảng $31 - 5$ *Tìm kết quả: - Yêu cầu sử dụng que tính để tìm kết quả. - Lấy 31 que tính, suy nghĩ tìm cách bớt 5 que tính, yêu cầu trả lời xem còn bao nhiêu que tính - Yêu cầu học sinh nêu cách bớt của mình. * Hướng dẫn cách bớt hợp lí nhất. - Có bao nhiêu que tính tất cả? - Đầu tiên ta bớt 1 que rời trước. Chúng ta còn phải bớt bao nhiêu que tính nữa? Vì sao? - Để bớt được 4 que tính nữa ta tháo 1 bó thành 10 que tính rời. Bớt đi 4 que còn lại 6 que. - Vậy 31 que tính bớt 5 que tính còn mấy que tính? - Vậy 31 trừ 5 bằng mấy? -Viết lên bảng $31 - 5 = 26$ *Đặt tính và thực hiện phép tính. - Yêu cầu một em lên bảng đặt tính sau đó nêu lại cách làm của mình. - Yêu cầu nhiều em nhắc lại cách trừ. - Mời một học sinh khác nhận xét. <p><i>Lưu ý giúp đỡ đối tượng M1, M2</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện phép tính trừ $31 - 5$. - Thao tác trên que tính và nêu còn 16 que tính. - Nêu cách làm. - Có 31 que tính (gồm 3 bó và 1 que rời) - Bớt 4 que nữa. - Vì $1 + 4 = 5$ - Còn 26 que tính. - 31 trừ 5 bằng 26 $\begin{array}{r} 31 \\ - 5 \\ \hline 26 \end{array}$ (1 không trừ được 5 lấy 11 trừ 5 bằng 6, viết 6, nhớ 1. 3 trừ 1 bằng 2, viết 2). - Học sinh nhắc lại. - Học sinh nhận xét.
<p>3. HĐ thực hành: (14 phút)</p> <p>*Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng $31 - 5$. - Biết giải bài toán có một phép trừ dạng $31 - 5$ - Nhận biết giao điểm của hai đoạn thẳng. <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1 (dòng 1): Làm việc cá nhân - cả lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 học sinh đọc yêu cầu bài 1. - Yêu cầu 4 học sinh làm PHT; lớp tự làm bài vào vở. - Yêu cầu đọc chữa bài. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 học sinh đọc. - 4 học sinh làm PHT; cả lớp tự làm vào vở. *Dự kiến ND chia sẻ: $\begin{array}{r} 51 \quad 41 \quad 61 \quad 31 \quad 81 \\ - 8 \quad - 3 \quad - 7 \quad - 9 \quad - 2 \\ \hline 43 \quad 38 \quad 54 \quad 22 \quad 79 \end{array}$ - Em khác nhận xét bài bạn. - Lắng nghe.

Bài 2 (phần a, b): Làm việc cá nhân - cả lớp

- Gọi 1 em nêu yêu cầu đề bài.
- Muốn tìm hiệu ta làm như thế nào?
- Yêu cầu tự làm bài vào vở.
- Gọi 2 học sinh lên bảng làm, mỗi em làm một ý.

- Yêu cầu 3 em lên bảng nêu rõ cách đặt tính và thực hiện tính của từng phép tính.
- Tổ chức cho học sinh nhận xét.
- Giáo viên nhận xét chung.

Bài 3: Làm việc cá nhân - cặp đôi

- Yêu cầu học sinh đọc bài toán.
- Bài toán cho biết gì?
- Bài toán yêu cầu?
- Yêu cầu học sinh giải thích vì sao lại thực hiện phép tính $51 - 6$?
- Yêu cầu tự tóm tắt và giải bài.
- Giáo viên chấm nhanh bài làm của một số học sinh.

- Cho học sinh nhận xét.
- Nhận xét, đánh giá bài làm học sinh.

Bài 4: Làm việc cá nhân - cả lớp

- Yêu cầu 1 học sinh đọc đề bài.
- Yêu cầu học sinh trả lời.

- Cho học sinh nhận xét.
- Yêu cầu nhiều em trả lời.
- Giáo viên nhận xét đánh giá.

Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành BT

🔗 Bài tập PTNL(M3, M4):

Bài tập 1 (dòng 2): Yêu cầu học sinh tự làm bài rồi báo cáo kết quả với giáo viên.

Bài tập 2 (phần c): Yêu cầu học sinh tự làm bài

- 1 học sinh đọc đề bài.
- Lấy số bị trừ trừ đi số trừ.
- Lớp thực hiện vào vở.
- 2 học sinh lên bảng thực hiện.

$$\begin{array}{r|l} \text{a) } 51 & \text{b) } 21 \\ - 4 & - 6 \\ \hline 47 & 15 \end{array}$$

- Học sinh nêu cách làm.
- Học sinh nhận xét, sửa bài.

- Học sinh đọc đề bài.
- Có 51 quả trứng lấy đi 6 quả trứng.
- Hỏi còn lại bao nhiêu quả trứng.

- Học sinh nêu.

- Học sinh làm bài:

**Dự kiến KQ học tập của HS:*

Tóm tắt:

Có : 51 quả trứng.

Lấy đi : 6 quả trứng.

Còn lại: ...? quả trứng

Giải:

Số quả trứng còn lại là:

$$51 - 6 = 45 \text{ (quả trứng)}$$

Đáp số: 45 quả trứng.

- Học sinh khác nhận xét bài bạn.
- Lắng nghe.

- 1 học sinh đọc đề bài.
- Đoạn thẳng AB cắt đoạn thẳng CD tại điểm O.
- Một em khác nhận xét bài bạn.
- Học sinh thực hiện yêu cầu.

- Học sinh tự làm bài vào vở rồi báo cáo kết quả với giáo viên:

Bài 1 (dòng 2):

$$\begin{array}{r|l|l|l|l} 21 & 71 & 11 & 41 & 91 \\ - 4 & - 6 & - 8 & - 5 & - 9 \\ \hline 17 & 65 & 3 & 36 & 82 \end{array}$$

<p>những Hs có nhiều tiến bộ. - Giới thiệu bài - Ghi đầu bài lên bảng.</p>	<p>- Mở sách giáo khoa.</p>
<p>2. HĐ chuẩn bị viết chính tả. (5 phút) *Mục tiêu: - Học sinh có tâm thế tốt để viết bài. - Nắm được nội dung bài thơ để viết cho đúng chính tả. *Cách tiến hành: HĐ cả lớp</p>	
<p>- Giáo viên giới thiệu và đọc bài chính tả: Đọc chậm và rõ ràng, phát âm chuẩn. - Yêu cầu học sinh đọc lại. *Giáo viên giao nhiệm vụ: +YC HS thảo luận một số câu hỏi +GV trợ giúp đối tượng HS hạn chế - Hướng dẫn học sinh nắm nội dung bài viết và cách trình bày qua hệ thống câu hỏi gợi ý: -TBHT điều hành HĐ chia sẻ</p> <p>+ <i>Có đúng là cậu bé trong bài thơ thắng được ông của mình không?</i> + <i>Bài thơ có mấy khổ thơ?</i> + <i>Mỗi câu thơ có mấy chữ?</i> + <i>Vậy khi viết em nên trình bày như thế nào cho đẹp?</i></p> <p>- Giáo viên gạch chân những từ cần lưu ý. - Yêu cầu học sinh nêu những điểm (âm, vần) hay viết sai. - Giáo viên yêu cầu học sinh viết vào bảng con những từ khó. - Nhận xét bài viết bảng của học sinh. - Giáo viên đọc lần 2.</p>	<p>- Học sinh lắng nghe. - Học sinh đọc lại. -Thực hiện YC theo nhóm + Học sinh trả lời từng câu hỏi của giáo viên. + Lưu ý nội dung bài viết, cách trình bày, những điều cần lưu ý. - Đại diện nhóm báo cáo *<i>Dự kiến ND chia sẻ:</i> + Ông nhường cháu, giả vờ thua cho cháu vui. + 2 khổ thơ. + 5 chữ. + Thụt vào lề đỏ 3 ô rồi viết.</p> <p>- Học sinh quan sát. - Học sinh nêu. - Luyện viết vào bảng con, 1 học sinh viết trên bảng lớp. - Lắng nghe.</p>
<p>3. HĐ viết bài chính tả. (15 phút) *Mục tiêu: - Học sinh nghe viết chính xác 2 khổ thơ bài: <i>Ông và cháu</i> - Viết hoa chữ đầu câu, ghi dấu câu đúng vị trí. *Cách tiến hành: HĐ cá nhân</p>	
<p>- Giáo viên nhắc học sinh những vấn đề cần thiết: Viết tên bài chính tả vào giữa trang vở. Chữ đầu câu viết hoa lùi vào 1 ô, chú ý lắng nghe cô giáo phát âm, đọc nhằm từng cụm từ để viết cho đúng, đẹp, nhanh; ngồi viết đúng tư thế, cầm viết đúng qui định. - Giáo viên đọc cho học sinh viết bài. - Cho học sinh viết bài (viết từng câu theo hiệu lệnh của giáo viên) Lưu ý:</p>	<p>- Lắng nghe - Học sinh viết bài vào vở</p>

<p>- Theo dõi Tư thế ngồi; Cách cầm bút; Tốc độ viết, điểm chấm toạ độ và điểm kết thúc chữ, nét khuyết, nét thắt,.... của học sinh</p>	
<p>4. HĐ chấm và nhận xét bài. (3 phút) *Mục tiêu: - Giúp các em tự phát hiện ra lỗi của mình và phát hiện lỗi giúp bạn. *Cách tiến hành: HĐ cá nhân - cặp đôi</p>	
<p>- Giáo viên đọc lại bài cho học sinh soát lỗi. - Giáo viên chấm nhanh 5 - 7 bài - Nhận xét nhanh về bài làm của học sinh.</p>	<p>- Học sinh đôi chéo vở chấm cho nhau. - Lắng nghe</p>
<p>5. HĐ làm bài tập: (6 phút) *Mục tiêu: Rèn kĩ năng phân biệt <i>c/k, l/n</i>. *Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 2: HĐ cả lớp - Gọi học sinh đọc yêu cầu. - Cho 2 học sinh lên thi đua tìm. - Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh làm tốt.</p> <p>Bài 3 (phần a): HĐ cá nhân - cả lớp - Cho 1 học sinh đọc yêu cầu. - Gọi 1 học sinh lên bảng làm bài. - Giáo viên nhận xét chung.</p>	<p>- Học sinh nêu yêu cầu của bài: Tìm 3 chữ bắt đầu bằng <i>c</i>, 3 chữ bắt đầu bằng <i>k</i>. - 2 học sinh đại diện lên làm thi đua. <i>*Dự kiến KQ chia sẻ của HS:</i> <i>(c: ca, cô, cỏ, cáo, cong,...;</i> <i>k: kẹo, kẻ, kính, kiện,...)</i> - Lắng nghe.</p> <p>- Học sinh đọc yêu cầu bài. - 1 học sinh lên bảng làm, lớp làm vào vở: <i>Lên non mới biết non cao</i> <i>Nuôi con mới biết công lao mẹ thầy</i> - Lắng nghe.</p>
<p>6. HĐ vận dụng, ứng dụng: (2 phút) - Cho học sinh nêu lại tên bài học - Yêu cầu nhắc lại cách trình bày bài viết. - Viết một số tên bạn em biết có phụ âm là <i>c /k</i> - Chọn một số vở học sinh viết chữ sạch đẹp không mắc lỗi cho cả lớp tham khảo - Nhắc nhở học sinh phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế. - Giáo viên chốt lại những phần chính trong tiết học</p>	
<p>7. Hoạt động sáng tạo(1 phút) - Về nhà ghi nhớ quy tắc viết <i>c/k</i>; viết tên người mà em biết có phụ âm <i>c/k</i>. - Nhận xét tiết học. - Nhắc nhở học sinh mắc lỗi chính tả về nhà viết lại các từ đã viết sai (10 lần). Xem trước bài chính tả sau: Bà cháu</p>	

Thứ sáu ngày 8 tháng 11 năm 2019

I. MỤC TIÊU:**1. Kiến thức:**

- Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng 51 – 15.
- Vẽ được hình tam giác theo mẫu (vẽ trên giấy kẻ ô li)

2. Kỹ năng: Rèn cho học sinh kỹ năng làm tính trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng 51 – 15, rèn kỹ năng vẽ hình theo mẫu.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.

*Bài tập cần làm: bài tập 1 (cột 1, 2, 3), bài tập 2 (phần a, b), bài tập 4.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Tư duy và lập luận toán học; Mô hình hóa toán học; Giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ:**1. Đồ dùng dạy học:**

- Giáo viên: Sách giáo khoa.
- Học sinh: Sách giáo khoa.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, động não.
- Hình thức dạy học cả lớp, cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (3 phút)	
- CTHĐTQ điều hành trò chơi: <i>Đoán nhanh đáp số</i> 71- 6, 41-5, 91- 5. $8 + x = 51$, $x + 7 = 51$, $x + 7 = 81$, $6 + x = 91$ - Giáo viên nhận xét, tổng kết trò chơi và tuyên dương đội thắng cuộc. - Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng: 51 - 15	- Học sinh tham gia chơi. - Lắng nghe. - Học sinh mở sách giáo khoa, trình bày bài vào vở.
2. HĐ hình thành kiến thức mới: (15 phút)	
*Mục tiêu: Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng 51 – 15. *Cách tiến hành: Làm việc cả lớp - cá nhân	
Việc 1: Nêu bài toán: Có 51 que tính bớt đi 15 que tính. Còn lại bao nhiêu que tính? - Muốn biết có bao nhiêu que tính ta làm như thế nào? - Viết lên bảng 51 - 5 Việc 2: Tìm kết quả: - Yêu cầu sử dụng que tính để tìm kết quả. - Lấy 5 bó que tính và 1 que tính rời, suy nghĩ tìm cách bớt 15 que tính, yêu cầu trả	- Quan sát và lắng nghe giáo viên phân tích đề toán. - Thực hiện phép tính trừ 51 - 15 - Thao tác trên que tính và nêu còn 36 que tính.

<p>lời xem còn bao nhiêu que tính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu học sinh nêu cách bớt của mình. *Hướng dẫn cách bớt hợp lí nhất. - Có bao nhiêu que tính tất cả? - Chúng ta phải bớt bao nhiêu que tính? - 15 que gồm mấy chục và mấy que tính? - Đầu tiên ta bớt 1 que rìi trước. Chúng ta còn phải bớt bao nhiêu que tính nữa? Vì sao? - Để bớt được 4 que tính nữa ta tháo 1 bó thành 10 que tính rìi. Bớt đi 4 que còn lại 6 que với 3 bó còn nguyên là 36 que tính - Vậy 51 que tính bớt 15 que còn mấy que tính? - Vậy 51 trừ 15 bằng mấy? - Viết lên bảng $51 - 15 = 36$ <p>Việc 3: Đặt tính và thực hiện phép tính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu 1 học sinh lên bảng đặt tính sau đó nêu lại cách làm của mình. <ul style="list-style-type: none"> - Mời một em khác nhận xét. - Yêu cầu nhiều em nhắc lại cách trừ. → Nhận xét, tuyên dương học sinh. <p><i>Lưu ý giúp đỡ đối tượng M1, M2</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời về cách làm. - Có 51 que tính (gồm 5 bó và 1 que rìi). - Phải bớt 15 que tính. - Gồm 1 chục và 5 que rìi. - Bớt 4 que nữa. Vì $1 + 4 = 5$ - Còn 36 que tính. - 51 trừ 15 bằng 36 - Học sinh nêu: $\begin{array}{r} 51 \\ -15 \\ \hline 36 \end{array}$ <p>(1 không trừ được 5 lấy 11 trừ 5 bằng 6, viết 6, nhớ 1. 1 thêm 1 bằng 2, 5 trừ 2 bằng 3, viết 3).</p> - Học sinh nhận xét. - Nhiều học sinh nhắc lại.
---	---

<p>3. HĐ thực hành: (14 phút)</p> <p>*Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng $51 - 15$. - Vẽ được hình tam giác theo mẫu (vẽ trên giấy kẻ ô li) <p>*Cách tiến hành:</p>	
--	--

<p>Bài 1 (cột 1, 2, 3): Làm việc cá nhân - cặp đôi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu học sinh đọc đề bài. - Yêu cầu lớp tự làm bài vào vở. - Yêu cầu kiểm tra chéo <p>Bài 2 (phần a, b): Cá nhân - cả lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi một em nêu yêu cầu đề bài 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc. - Học sinh tự làm vào vở: <table style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="text-align: center;">81</td> <td style="text-align: center;">31</td> <td style="text-align: center;">51</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">$\underline{-46}$</td> <td style="text-align: center;">$\underline{-17}$</td> <td style="text-align: center;">$\underline{-19}$</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">35</td> <td style="text-align: center;">14</td> <td style="text-align: center;">32</td> </tr> <tr style="border-top: 1px solid black;"> <td style="text-align: center;">41</td> <td style="text-align: center;">71</td> <td style="text-align: center;">61</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">$\underline{-12}$</td> <td style="text-align: center;">$\underline{-26}$</td> <td style="text-align: center;">$\underline{-34}$</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">29</td> <td style="text-align: center;">45</td> <td style="text-align: center;">27</td> </tr> </table> - HS trong cặp kiểm tra lẫn nhau. - Báo cáo kết quả với GV - 1 học sinh đọc. 	81	31	51	$\underline{-46}$	$\underline{-17}$	$\underline{-19}$	35	14	32	41	71	61	$\underline{-12}$	$\underline{-26}$	$\underline{-34}$	29	45	27
81	31	51																	
$\underline{-46}$	$\underline{-17}$	$\underline{-19}$																	
35	14	32																	
41	71	61																	
$\underline{-12}$	$\underline{-26}$	$\underline{-34}$																	
29	45	27																	

- Muốn tìm hiệu ta làm như thế nào?
- Yêu cầu tự làm bài vào vở.
- Gọi 2 học sinh lên bảng làm, mỗi em làm một ý.

- Yêu cầu 2 học sinh lên bảng nêu rõ cách đặt tính và thực hiện tính của từng phép tính.

- Tổ chức cho học sinh nhận xét bài trên bảng.

- Giáo viên nhận xét.

Bài 4: Làm việc cá nhân - cặp đôi - cả lớp

- Gọi 1 học sinh đọc đề bài .
- Mẫu vẽ hình gì?
- Muốn vẽ hình tam giác ta phải nói mấy điểm với nhau?
- Yêu cầu học sinh tự vẽ vào vở, 1 em lên bảng làm.

- Yêu cầu nhận xét bài bạn.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành BT

🌟 Bài tập PTNL:

Bài tập 1 (cột 4, 5) (M3, M4):

Bài tập 3 (M4):

- Lấy số bị trừ trừ đi số trừ.
- Lốp thực hiện vào vở.
- 2 học sinh lên bảng thực hiện:

a) 81		b) 51
$\begin{array}{r} 81 \\ - 44 \\ \hline 37 \end{array}$		$\begin{array}{r} 51 \\ - 25 \\ \hline 26 \end{array}$

- Học sinh nêu.

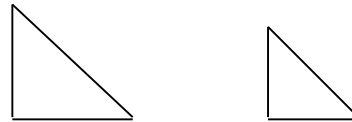
- Học sinh nhận xét.

- Học sinh đọc.

- Vẽ hình tam giác.

- Nói 3 điểm với nhau.

- Học sinh làm bài:



- Một em khác nhận xét bài bạn.

- Học sinh nhận xét.

- Học sinh tự làm bài rồi báo cáo kết quả với giáo viên:

$\begin{array}{r} 71 \\ - 38 \\ \hline 33 \end{array}$	$\begin{array}{r} 61 \\ - 25 \\ \hline 36 \end{array}$
--	--

$\begin{array}{r} 91 \\ - 49 \\ \hline 42 \end{array}$	$\begin{array}{r} 81 \\ - 55 \\ \hline 26 \end{array}$
--	--

- Học sinh tự làm rồi báo cáo kết quả:

a) $x + 16 = 41$ $x = 41 - 16$ $x = 25$	b) $x + 34 = 81$ $x = 81 - 34$ $x = 47$	c) $19 + x = 61$ $x = 61 - 19$ $x = 42$
---	---	---

4. HĐ vận dụng, ứng dụng: (2 phút)

- Yc học sinh nhắc lại cách tìm số hạng chưa biết

- Tổ chức cho HS làm việc theo cặp (mỗi dãy làm 1 phép tính)

Tìm X $X + 26 = 61$ $X + 47 = 81$ $18 + X = 41$

- Giáo viên chốt lại những phần chính trong tiết dạy.

5.HĐ sáng tạo: (1 phút)

- Điền dấu phép tính thích hợp vào chỗ chấm:

$$31 \dots 5 + 4 = 30 \quad 45 + 6 \dots 15 = 36$$

- Giáo viên nhận xét tiết học

- Dặn học sinh về xem lại bài học trên lớp. Sửa bài sai. Xem trước bài: **Luyện tập**

TẬP LÀM VĂN: KỂ VỀ NGƯỜI THÂN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết kể về ông bà hoặc người thân, dựa theo câu hỏi gợi ý (BT1)
- Viết được đoạn văn ngắn từ 3 đến 5 câu về ông, bà hoặc người thân (BT2)

2. Kỹ năng: Rèn cho học sinh kỹ năng viết văn.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích môn học.

***THGDBVMT:** Giáo dục tình cảm đẹp đẽ trong cuộc sống xã hội.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Ngôn ngữ; Văn học; Thẩm mỹ.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ ghi các câu hỏi bài tập 1.
- Học sinh: Sách giáo khoa, vở bài tập.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não.
- Hình thức dạy học cả lớp, cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (5 phút)	
- PCT. HĐTQ điều hành trò chơi: <i>Phóng viên</i> +Nội dung phỏng vấn: Kể tên những người có trong gia đình mình. - Giới thiệu bài mới - ghi bài lên bảng: Kể về người thân	- HS tham gia chơi - Học sinh mở sách giáo khoa và vở bài tập
2. HĐ thực hành: (25 phút) *Mục tiêu: - Biết kể về ông bà hoặc người thân, dựa theo câu hỏi gợi ý (BT1) - Viết được đoạn văn ngắn từ 3 đến 5 câu về ông, bà hoặc người thân (BT2) *Cách tiến hành:	
Bài tập 1 (miệng): Làm việc cá nhân -> cặp đôi -> chia sẻ trước lớp - Gọi học sinh đọc yêu cầu bài tập. - Lưu ý học sinh các câu hỏi trong bài tập chỉ là gợi ý. Yêu cầu của bài tập là kể chứ không phải trả lời câu hỏi. - Yêu cầu cả lớp suy nghĩ, chọn đối tượng sẽ kể.	- 1 học sinh đọc yêu cầu bài. - Lắng nghe. - 1 số học sinh nói trước lớp sẽ chọn kể về ai.